

Số: 2087/2020/QĐST-HNGĐ

Bình Thạnh, ngày 21 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình; Luật Phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1984/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2020, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, giữa:

Người yêu cầu: Bà **N H K O**, sinh năm 1990;

Cư trú: 346/22/16 C V A, Phường A, quận B, TP. Hồ Chí Minh.

Người yêu cầu: Ông **Đ L N N**, sinh năm 1990;

Cư trú: 65/5 C V A, Phường A, quận B, TP. Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11/12/2020, thể hiện nội dung mà các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ việc cụ thể như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 18, quyển số 01/2015, ngày 03/02/2015 do Ủy ban nhân dân C V A, Phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà N H K O và ông Đ L N N thể hiện là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn với nhau do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp. Bà O và ông N xác nhận tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn để ổn định cuộc sống.

[2] Về con chung: Theo bản sao giấy sinh số 445, quyển số 03/2015, ngày 25/11/2015 do Ủy ban nhân dân Phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Đ N A N, sinh ngày 30/10/2015 (nữ); Theo bản sao trích lục khai sinh số 255/TLKS-BS, ngày 30/03/2020 do Ủy ban nhân dân Phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Đ N A Y, sinh ngày 03/02/2020 (nữ), thể hiện mẹ là bà N H K O và cha là ông Đ L N N. Bà O và ông N thỏa thuận giao cho bà O là người trực tiếp giáo dục, chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Đ N A N, Đ N

A Y. Ông N cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 10.000.000 đồng, bắt đầu thi hành từ tháng 01/2021 cho đến khi con trưởng thành.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: 300.000 đồng, bà N H K O và ông Đ L N N phải chịu.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà N H K O và ông Đ L N N thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 18, quyền số 01/2015, ngày 03/02/2015 do Ủy ban nhân dân Phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà N H K O và ông Đ L N N hết hiệu lực kể từ ngày ban hành quyết định này.

1.2/ Về con chung: Có 02 con chung tên Đ N A N, sinh ngày 30/10/2015, Đ N A Y, sinh ngày 03/02/2020. Bà N H K O và ông Đ L N N thỏa thuận giao cho bà O là người trực tiếp giáo dục, chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Đ N A N, Đ N A Y. Ông N cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 10.000.000 (mười triệu) đồng, bắt đầu thi hành từ tháng 01/2021 cho đến khi con trưởng thành.

Ông Đ L N N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung tên Đ N A N, Đ N A Y; Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Về lệ phí: Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, bà N H K O và ông Đ L N N phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0088844 ngày 01/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q. Bình Thạnh;
- UBND Phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Minh Thảo